

CAPTAIN C750 L



3.5T | 5.4M
TẢI TRỌNG | CHIỀU DÀI THÙNG

CAPTAIN C750 SL



3.5T | 6.3M
TẢI TRỌNG | CHIỀU DÀI THÙNG

THÙNG HÀNG

Thùng hàng lớn nhất phân khúc 3.5 tấn - thùng dài 6M3 với tích thùng đến 32.05 KHỐI, chiều cao 2.35M, chiều rộng 2.2M, cho khả năng tải hàng vượt trội.



ĐỘNG CƠ

Động cơ YUCHAI Y-SERIES GEN 4 thế hệ tiên tiến nhất (YCY30150-50) dung tích 3.0L, cho công suất cực đại 150 mã lực (110 kW) và mô-men xoắn cực đại 440 N.m ở dải vòng tua 1400 - 2200 vòng/phút, đáp ứng tiêu chuẩn khí thải EURO 5, tiết kiệm 15% nhiên liệu so với thế hệ cũ.

PHANH HƠI

Trang bị **phanh hơi** khí nén 02 buồng kết hợp cùng phanh ABS, cảm biến lùi,... cho lực & hiệu suất phanh ổn định, kiểm soát tải tốt khi chở hàng công kênh.



HỘP SỐ

Hộp số FAST-EATON 2 tầng với 8 số tiến & 2 số lùi, tăng 10-25% mô-men sức kéo khi leo đèo vượt dốc & tiết kiệm nhiên liệu đến 8% khi chạy đường trường so với hộp số 6 số thông thường.



GROUP ZALO



FANPAGE



WEBSITE



FACEBOOK



LOẠI XE	CAPTAIN C750L		CAPTAIN C750SL
KÍCH THƯỚC			
Kích thước cabin DxRxC (mm)	1570 x 2175 x 1980		
Kích thước tổng thể DxRxC (mm)	7190 x 2365 x 3550	8115 x 2365 x 3560	
Chiều dài cơ sở (mm)	3800	4400	
Kích thước lồng thùng DxRxC (mm)	5300 x 2200 x 2350	6200 x 2200 x 2350	
Thể tích thùng (m³)	27.4	32.05	
KHỐI LƯỢNG			
Trọng lượng bản thân (kg)	3810	3940	
Tải trọng đăng ký (kg)	3495	3365	
Trọng lượng toàn bộ (kg)	7500		
Số lượng người cho phép chở	3		
ĐỘNG CƠ			
Nhà sản xuất	GUANGXI YUCHAI MACHINERY CO.,LTD		
Loại động cơ	YC/ YCY30150-50 (YUCHAI Y-SERIES GEN 4) Diesel, 4 kỳ, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp		
Dung tích xilanh (cm³)	2970		
Công suất cực đại/ Tốc độ quay (vòng/phút)	110 kW/ 2800		
Mô-men xoắn cực đại/ Tốc độ quay (vòng/phút)	440 N.m/ 1400 - 2200		
Tiêu chuẩn khí thải	EURO 5		
HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG			
Loại hộp số	Hộp số FAST, C8J45TA, cơ khí		
Số tay số	08 số tiến + 02 số lùi		
Cầu trước	Dẫn hướng, chịu tải 2500 kg		
Cầu sau	Chủ động, chịu tải 6500 kg		
Lốp xe	7.50R16	8.25-16	
HỆ THỐNG PHANH			
Kiểu loại phanh	Phanh hơi khí nén 02 dòng có ABS		
HỆ THỐNG TREO			
Hệ thống treo trước	Phụ thuộc, nhíp lá (09 lá), giảm chấn thủy lực		
Hệ thống treo sau	Phụ thuộc, nhíp lá (10 lá chính + 08 lá phụ)		
KHUNG XE			
Kích thước tiết diện chassis (mm)	232 x 65 x 6.5		
THÙNG NHIÊN LIỆU			
Chất liệu	Hộp kim nhôm		
Dung tích (lít)	120		
THÔNG TIN KHÁC			
Độ dốc lớn nhất vượt được (độ)	44	41	
Bán kính quay vòng nhỏ nhất (m)	7.035	7.95	